

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/DSST

Ngày: 21/02/2023.

*“V/v: Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Phạm Thị Kim Loan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2022/TLST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-DS ngày 16/01/2023 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 124/2023/TB-TA ngày 14/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1974. Địa chỉ: 19 đường A, tổ 4, phường T thành phố P, tỉnh G. Có mặt;

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1985. Địa chỉ: 75 H, tổ 7, phường P, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Trước đây, tôi Lê Thị S và bà Trịnh Thị L là chỗ quen biết nhau. Ngày 03/3/2018 bà Trịnh Thị L có vay của tôi số tiền 48.000.000đồng và hẹn sau 01 năm 04 tháng sẽ trả hết nợ gốc và tiền lãi. Nhưng đến hạn trả nợ thì bà Trịnh Thị L cứ hẹn mãi mà không trả. Nay tôi đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả cho tôi số tiền gốc 48.000.000đồng theo chứng cứ tôi đã nộp cho Tòa án.

Đối với bà L cho rằng khoản tiền 48.000.000đồng là khoản tiền hót hụi của bà Th và việc bà L viết giấy nhận nợ để đề phòng khi bà L không đóng hụi thì tôi lấy giấy vay tiền này làm căn cứ đòi nợ là không đúng, vì khi bà L hót hụi chỗ bà Th thì tôi có nói bà L phải đóng hụi thông qua tôi để tôi chịu trách nhiệm nộp lại cho bà Th thì đó là tiền hụi giữa bà L với bà Th, tôi chỉ là người trung gian đưa lại số tiền hụi của bà L để chuyển sang cho bà Th; còn số tiền

48.000.000đồng là khoản tiền bà L vay theo giấy vay tiền và nội dung giấy vay tiền do bà L tự viết không liên quan đến tiền hụi.

Tại buổi hòa giải ngày 10/11/2022 tôi có đề nghị bà L nếu trả tiền ngay và luôn thì tôi chỉ lấy 21.000.000đồng, số còn lại 27.000.000đồng tôi cho luôn, bà L cũng cam kết trả số tiền 21.000.000đồng cho tôi sau một tháng vào buổi hòa giải ngày 09/12/2022 tại Tòa án còn nếu bà L không trả như đã cam kết thì tôi đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả đủ số tiền 48.000.000đồng như giấy vay tiền bà L đã viết, về vấn đề này bà L đã đồng ý và tại biên bản hòa giải cũng ghi rõ nội dung hai bên đã thỏa thuận.

Đối với các chứng cứ là các bản sao kê bà L nộp tại Tòa án để chứng minh số tiền vay của tôi là số tiền đóng hụi đã chuyển trả cho tôi là không đúng, vì tại bản sao kê thể hiện số tiền bà L chuyển vào tài khoản của tôi ghi nội dung “đóng hụi” không phải là 3.000.000đ/tháng x 16 tháng như bà L trình bày mà số tiền chuyển trong 14 lần rất vô chùng cụ thể: (ngày 30/5/2018 chuyển số tiền 3.000.000đ, ngày 27/6/2018 chuyển 4.350.000đồng, ngày 29/6/2018 chuyển 650.000đồng, ngày 27/8/2018 chuyển 3.000.000đồng, ngày 28/9/2018 chuyển 3.700.000đồng, ngày 29/9/2018 chuyển 2.000.000đồng, ngày 21/01/2019 chuyển 1.500.000đ, ngày 09/01/2019 chuyển 1.500.000đ, ngày 23/01/2019 chuyển 3.000.000đ, ngày 22/02/2019 chuyển 1.050.000đ, ngày 27/3/2019 chuyển 1.000.000đ, ngày 25/3/2019 chuyển 1.950.000đ, ngày 27/4/2019 chuyển 1.000.000đ, ngày 17/5/2019 chuyển 3.000.000đ), tổng cộng là: 30.700.000đồng

Còn số tiền 48.000.000đồng là khoản tiền bà L vay riêng của tôi, vì vậy giữa tiền đóng hụi và tiền vay là hai khoản riêng biệt, bà L vi phạm về thời hạn trả nợ khoản tiền nào thì tôi khởi kiện khoản tiền đó, tại giấy vay tiền là chữ viết chữ ký của bà L tự viết, nếu thật sự số tiền 48.000.000đồng là tiền hụi thì tại sao bà L không ghi là tiền hụi mà lại viết là tiền vay của tôi, trong khi đó các lần chuyển tiền vào tài khoản của tôi bà L rất cẩn thận ghi rõ nội dung chuyển tiền là “đóng hụi” bản thân bà L là người am hiểu về pháp luật nên không thể nói bà L vì tin tôi mà quên không ghi rõ nội dung trong giấy vay tiền.

Tại đơn khởi kiện tôi có yêu cầu bà L phải trả tôi số tiền gốc là: 48.000.000đồng + 43.207.000 đồng tiền lãi, tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay tôi thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi suất, tôi rút phần yêu cầu trả lãi suất, tôi chỉ yêu cầu bà L phải trả lại cho tôi số tiền gốc 48.000.000đồng.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 01/11/2022 (BL số 29) và lời trình bày tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/11/2022 (BL số 58-63) nội dung như sau:

Bà L và bà Lê Thị S quen biết nhau vào cuối năm 2017, sau khi quen biết bà L có hỏi bà S để xin chơi hụi, bà S có giới thiệu bà Th là chủ hụi. Sau khi được bà S giới thiệu, bà Th có cho bà L vào chơi chân hụi 1.000.000đ (chân hụi sống vào tháng 11/2017 dương lịch); đến tháng 12/2017 dương lịch bà Th tiếp tục xỏ 1 chân hụi 3.000.000đồng, bà L xin bà Th chơi thêm. Đến tháng 12/2018 dương lịch bà L xin bà Th được hốt chân hụi 3.000.000đồng và để chân hụi

1.000.000đồng nhưng bà Th không đồng ý với lý do bà L mới quen biết nên không cho hốt hui sớm. Sau đó bà S có nói giúp với bà Th để bà L được hốt chân hui này, nhưng bà Th yêu cầu bà S phải đứng ra bảo lãnh cho bà L hoặc choàng luôn chân hui của bà L thì bà Th mới đồng ý cho bà L hốt. Sau khi tất cả đồng ý, bà S yêu cầu bà L hàng tháng cứ gửi tiền đóng hui bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào số tài khoản 107004360911 và tài khoản 108006064528 (là tài khoản thay đổi sau này) thuộc Ngân hàng Viettinbank chi nhánh Phù Đổng. Sự thỏa thuận này gồm cả chân hui sống 1.000.000đồng và chân hui chết 3.000.000đồng; chân hui 1.000.000đồng gồm 12 người chơi (trừ bà L ra là còn 11 người); chân hui 3.000.000đồng gồm 17 người (trừ bà L ra là còn 16 người), đóng hui từ ngày 16/01/2017 đến ngày 16/5/2019. Để lấy cơ sở nếu bà L hốt hui xong mà không đóng tiền thì bà S là người choàng hui phải chịu trách nhiệm với bà Th, vì vậy bà S đưa bà L một giấy mượn tiền viết để làm cơ sở đề phòng cho trường hợp bà L không chịu đóng hui. Theo như bà L trình bày giấy vay tiền viết số tiền hốt hui tính theo mỗi tháng $3.000.000\text{đồng} \times 16 \text{ người chơi} = 48.000.000\text{đồng}$ nhưng thực chất số tiền hui bà L được hốt thấp hơn khoảng tầm hơn 38.000.000đồng. Thời gian đóng hui từ tháng 1 năm 2018 đến ngày 16/5/2019. Sau khi kết thúc chân hui theo thời gian như ghi trên giấy mượn tiền làm căn cứ đảm bảo thì cũng được xem như giao dịch hết hiệu lực nên bà L cũng không lấy giấy mượn tiền này về để hủy, bà L chỉ báo bà S xé giấy. Nay bà L lấy giấy mượn tiền này để kiện là không hợp lý, nên bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn bà Trịnh Thị L có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 01 giấy vay tiền (**Bản gốc, bút lục số 54**). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc: 48 triệu đồng và rút phần yêu cầu tính lãi suất; bị đơn cũng thừa nhận giấy vay tiền này là do bị đơn tự viết và ký nhận người vay tiền, nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không trả đúng hạn như đã cam kết. Như vậy, xét về giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực.

Tại bản sao kê của Ngân hàng (**Bút lục số: 41-51**) là chứng cứ bị đơn đã giao nộp thì xác định: Số tiền bị đơn chuyển đóng hui cho nguyên đơn là 14 đợt từ [ngày 30/5/2018 9 (tức ngày 16/4/2018 âm lịch) đến ngày 17/5/2019 (tức ngày 13/4/2019 âm lịch)], nội dung chuyển tiền là “đóng hui” tổng số tiền là

30.700.000đồng; đối chiếu với giấy vay tiền (**BL số 54**) thì xét về thời gian vay tiền (*từ ngày 16/01/2018 đến 16/5/2019 Âm lịch*) tức là thời hạn cho vay 16 tháng, theo lời trình bày của bị đơn thì việc nguyên đơn cho vay kéo dài 16 tháng là vì mỗi tháng bị đơn phải đóng hui cho nguyên đơn là 3 triệu đồng nhân với 16 tháng nên mới ra số tiền 48 triệu đồng, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết giấy vay tiền là để đề phòng khi bị đơn không đóng hui thì nguyên đơn sẽ lấy giấy vay tiền này để khởi kiện bị đơn. Tuy nhiên tại các bản sao kê cho thấy số tiền bị đơn chuyển đóng hui cho nguyên đơn không đồng nhất là 3 triệu đồng/tháng như bị đơn trình bày, xét về thời gian đóng hui cũng không khớp với thời gian bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn và tại giấy vay tiền do bị đơn viết cũng không thể hiện nội dung liên quan đến số tiền hót hui.

Như vậy về khoản tiền bị đơn chuyển đóng hui cho bà S là 30.700.000đ (*Ba mươi triệu, bảy trăm ngàn đồng*) và số tiền 48.000.000đ (*Bốn mươi tám triệu đồng*) bị đơn vay của nguyên đơn theo giấy vay tiền ngày 16/01/2018 (Âm lịch) là hai khoản riêng biệt như nguyên đơn trình bày là có căn cứ, ngoài ra bị đơn cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì khác cho Tòa án, hơn nữa tại buổi hòa giải ngày 10/11/2022 các bên có đề nghị Tòa án ghi nhận về sự thỏa thuận như sau “...chị S đồng ý để chị L trả số tiền: 21.000.000đồng trong số tiền 48.000.000đồng chị S đã khởi kiện tại Tòa án; nhưng các bên có thỏa thuận chị L sẽ phải trả số tiền 21.000.000đồng này vào buổi hòa giải tới, nếu chị L không trả số tiền 21.000.000đồng bằng tiền mặt trong buổi hòa giải tới thì chị S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật buộc chị L phải trả đủ số tiền 48.000.000đồng, chị L đồng ý với ý kiến này của chị S”, đến ngày 09/12/2022 là buổi hòa giải tiếp theo bị đơn không thực hiện trả nợ số tiền 21.000.000đồng cho nguyên đơn, như vậy việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 48 triệu đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trịnh Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị S số tiền gốc là 48.000.000đ (*Bốn mươi tám triệu đồng*); việc nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả lãi suất là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trịnh Thị L phải chịu (48.000.000đồng x 5%) = 2.400.000đồng (*Hai triệu bốn trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*).

- Áp dụng các Điều 280, 282, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S.

[2]. Buộc bị đơn bà Trịnh Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị S số tiền: 48.000.000đồng(*Bốn mươi tám triệu đồng*),

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí:

Buộc bị đơn bà Trịnh Thị L phải nộp: 2.400.000đ (*Hai triệu, bốn trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 2.280.000đ (*Hai triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002584 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC VỊ HỘI THẨM THẨM PHÁN CHỦ TỌA